

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ THƯƠNG MẠI 319**  
(Đã được kiểm toán)



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 29

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại 319 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại 319 là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104291191, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 7 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, lần thứ 7 ngày 16 tháng 4 năm 2015.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : 043 556 7799
- Fax : 043 556 2499

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn nhựa đường, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh LPG;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn rượu mạnh, rượu vang, bia và đồ uống không có cồn;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn kính xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất giày dép. Chi tiết: Sản xuất giày dép bảo hộ lao động;
- Sản xuất các sản phẩm từ cao su. Chi tiết: Quần áo lặn bằng cao su, quần áo bằng cao su;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn xe ô tô, loại mới và loại đã qua sử dụng: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương, Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ moóc và bán rơ moóc, Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông..., Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

Sản xuất đồ chơi, trò chơi;

Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;

Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Dịch vụ trang trí nội thất;

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, chống ẩm các tòa nhà, các công việc dưới bề mặt, xây dựng bể bơi ngoài trời, rửa bằng hơi nước, nổ cắt và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết Xây dựng công trình đường bộ;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Phá dỡ;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, xây dựng đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;

Xây dựng công trình công ích;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

Xây dựng nhà các loại

...

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)

#### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch
Ông Đậu Hiếu Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Thành viên
Ông Trần Hồng Sơn	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Minh Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Phó Giám đốc
Ông Đậu Hiếu Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

##### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Minh Hải.

##### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc  
CÔNG TY  
CƠ KHEN  
THỊ SỰ THƯƠNG MẠI  
GIẤY - TP. HỒ CHÍ MINH

Bùi Minh Hải

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Số: 17 /2017/ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI 319**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại 319, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Các khoản công nợ khách hàng trả trước chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không đủ cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản công nợ này.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại 319 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán ASCO**

**Phó Tổng Giám đốc**



*[Signature]*

**Nguyễn Ngọc Tuyền**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1629-2014-149-1  
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2017

**Kiểm toán viên**

*[Signature]*

**Vũ Thị Tâm**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3316-2015-149-1

**ỦY BAN THỰC HÀNH BAN HÀNH VIÊN BAN CHỈNH**

Số chứng nhận: 9 56 01 Quyển số: 01

Ngày:

10-04-2017

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*

**Nguyễn Thị Anh Hương**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>340.346.542.039</b>	<b>303.148.321.246</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.838.627.872	41.066.361.094
Tiền	111		16.838.627.872	41.066.361.094
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>220.109.025.893</b>	<b>179.440.862.470</b>
Phải thu khách hàng	131	V.2	120.787.667.827	128.927.944.627
Trả trước cho người bán	132	V.3	80.856.235.189	17.034.693.887
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	6.876.955.323	24.065.865.054
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	12.483.740.837	10.307.932.185
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(895.573.283)	(895.573.283)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>II. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>100.338.923.232</b>	<b>81.044.011.954</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	100.338.923.232	81.044.011.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.059.965.042</b>	<b>1.597.085.728</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.059.965.042	1.597.085.728
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.491.894.219</b>	<b>120.680.517.072</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.327.743.945</b>	<b>19.436.386.615</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	18.327.743.945	19.436.386.615
Nguyên giá	222		25.379.387.193	25.315.879.093
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.051.643.248)	(5.879.492.478)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>I. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>124.080.600.000</b>	<b>101.114.220.506</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	124.080.600.000	101.114.220.506
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>83.550.274</b>	<b>129.909.951</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	83.550.274	129.909.951
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>482.838.436.258</b>	<b>423.828.838.318</b>

a chỉ: 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

# LỜI CẢO TÀI CHÍNH

o năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>368.499.588.260</b>	<b>310.073.933.676</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.358.324.809</b>	<b>305.000.670.225</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	82.401.317.592	138.331.166.016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12a	44.143.881.609	62.049.912.399
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	148.822.746	753.409.448
Phải trả người lao động	314		505.915.601	886.080.224
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14a	46.705.189.253	4.025.060.367
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	130.807.346.151	97.519.868.803
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	645.851.857	1.435.172.968
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>63.141.263.451</b>	<b>5.073.263.451</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.12b	55.200.000.000	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	159.742.800	159.742.800
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	7.781.520.651	4.913.520.651
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

họ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

<b>I- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.338.847.998</b>	<b>113.754.904.642</b>
Vốn chủ sở hữu	410	V.17	114.338.847.998	113.754.904.642
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	99.810.260.496
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.338.847.998	13.944.644.146
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
0. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>482.838.436.258</b>	<b>423.828.838.318</b>

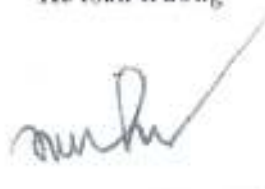
Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng



Lương Thị Thu Hà



Nguyễn Thị Minh Huệ



Giám đốc

Bùi Minh Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	295.419.542.593	365.235.802.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	453.129.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		294.966.413.502	365.235.802.189
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	267.433.180.839	334.469.273.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.533.232.663	30.766.528.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	87.825.072	170.774.171
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	10.381.624.770	10.109.493.671
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.381.624.770	10.109.493.671
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	15.405.775.689	14.142.142.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.833.657.276	6.685.666.466
11. Thu nhập khác	31	VL.7	329.021.667	-
12. Chi phí khác	32	VL.8	206.605.373	147.331.070
13. Lợi nhuận khác	40		122.416.294	(147.331.070)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.956.073.570	6.538.335.396
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	642.060.729	1.467.314.393
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.314.012.841</u>	<u>5.071.021.003</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>132</u>	<u>561</u>

Lập biểu

Lương Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huệ

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017



Giám đốc

Bùi Minh Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.956.073.570	6.538.335.396
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.172.150.770	1.470.107.573
- Các khoản dự phòng	03	-	365.979.685
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(141.851.991)
- Chi phí lãi vay	06	10.381.624.770	10.109.493.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.509.849.110	18.342.064.334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(42.131.042.737)	(91.048.411.011)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.294.911.278)	(40.929.408.833)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.373.419.094	116.489.571.775
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	46.359.677	231.617.691
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.381.624.770)	(10.109.493.671)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.255.981.476)	(887.764.886)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.709.130.100)	(995.917.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(42.843.062.480)</b>	<b>(8.907.741.601)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.508.100)	(44.081.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.466.379.494)	(63.393.718.106)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	9.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	141.851.991
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.729.887.594)</b>	<b>(63.295.947.315)</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	41.303.866.153	56.659.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(41.114.126.649)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	225.910.686.885	188.613.180.680
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(189.755.209.537)	(163.395.916.241)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>36.345.216.852</i>	<i>81.876.264.439</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.227.733.222)	9.672.575.523
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	41.066.361.094	31.393.785.571
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	16.838.627.872	41.066.361.094

Lập biểu



Lương Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Huệ

Lập, ngày 16 tháng 3 năm 2017



Giám đốc

Bùi Minh Hải



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Năm 2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại 319 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, kinh doanh vật liệu xây dựng và dịch vụ cho thuê văn phòng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Xây dựng công trình xây dựng có tính đơn chiếc, thời gian phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật và quy mô công trình.

##### **5. Cấu trúc Công ty**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang có trụ sở chính tại Số 14 Lô B1 khu đô thị mới Nam Từ Sơn, xã Phú Châu, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

##### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khắc phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước của Công ty là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

**8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**9. Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

*Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### **13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.305.487.076	565.340.497
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.533.140.796	40.501.020.597
<b>Cộng</b>	<b>16.838.627.872</b>	<b>41.066.361.094</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan *</i>	<i>11.500.300.929</i>	<i>15.699.564.266</i>
Công ty Cổ phần BOT Hà Nội - Bắc Giang	11.500.300.929	15.699.564.266
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>109.287.366.898</i>	<i>113.228.380.361</i>
Thành đoàn thành phố HCM	41.053.111.336	49.053.111.336
Ban quản lý Quận 2 công trình Khu liên hợp thể thao Rạch Chiếc	18.099.162.325	9.511.782.640
Ban quản lý khu đi tích lịch sử địa đạo Củ Chi - Kê Sòng Sài Gòn	17.015.790.384	-
Khu quản lý Giao thông đô thị số 3	13.628.951.075	-
Công ty TNHH Thương mại Kim khí Long Biên	5.827.820.858	14.268.484.006
Các đối tượng khác	13.662.530.920	40.395.002.379
<b>Cộng</b>	<b>120.787.667.827</b>	<b>128.927.944.627</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>9.363.038.323</i>	<i>2.483.006.341</i>
Nguyễn Tiến Hưng	5.918.052.816	2.483.006.341
Trần Hồng Sơn	3.444.985.507	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>71.493.196.866</i>	<i>14.551.687.546</i>
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin	33.595.635.916	300.000.000
Lê Minh Hiền	3.990.318.971	125.424.011
Đậu Hùng Dũng	3.712.501.060	1.802.567.970
Đặng Tuấn Nghĩa	3.329.531.892	1.591.783.288
Các đối tượng khác	26.865.209.027	10.731.912.277
<b>Cộng</b>	<b>80.856.235.189</b>	<b>17.034.693.887</b>

**4. Phải thu nội bộ ngắn hạn**

Là các khoản phải thu Tổng Công ty 319 theo giấy Báo Có

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lê Hữu Tài (đối tượng dư ứng đã chuyển công tác)	-	-	1.198.040.300	-
Tạm ứng	9.658.723.026	-	5.302.695.480	-
Ký cược, ký quỹ	2.825.017.811	-	3.807.196.405	-
<b>Cộng</b>	<b>12.483.740.837</b>	<b>-</b>	<b>10.307.932.185</b>	<b>-</b>



**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	895.573.283	-	895.573.283
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	895.573.283	-	895.573.283

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở đang	97.674.451.928	-	56.138.888.765	-
Hàng hóa	2.664.471.304	-	24.905.123.189	-
Cộng	100.338.923.232	-	81.044.011.954	-

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
đầu năm	20.515.526.066	377.500.000	3.217.413.304	1.120.439.723	85.000.000	25.315.879.09
ng do mua sắm	63.508.100	-	-	-	-	65.508.10
im trong năm	-	-	-	-	-	-
cuối năm	20.579.034.166	377.500.000	3.217.413.304	1.120.439.723	85.000.000	25.379.387.19

ng đó:

khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2.477.609.901 VND

í trị hao mòn

đầu năm	3.429.790.215	235.527.510	1.383.945.863	745.228.890	85.000.000	5.879.492.47
ng do khấu hao	621.847.996	59.907.504	324.632.424	165.762.846	-	1.172.150.77
cuối năm	4.051.638.211	295.435.014	1.708.578.287	910.991.736	85.000.000	7.051.643.24

í trị còn lại

đầu năm	17.085.735.851	141.972.490	1.833.467.441	375.210.833	-	19.436.386.61
cuối năm	16.527.395.955	82.064.986	1.508.835.017	209.447.987	-	18.327.743.94

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần BOT Hà Nội - Bắc Giang (i)	124.080.600.000	-	-	101.114.220.506	-	-
<b>Cộng</b>	<b>124.080.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>101.114.220.506</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2300846090 ngày 10 tháng 4 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang 124.080.600.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ.

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang hiện đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	83.550.274	129.909.951
<b>Cộng</b>	<b>83.550.274</b>	<b>129.909.951</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Tín	21.008.495.726	34.932.839.797
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	14.757.902.910	22.039.204.467
Nhà máy cơ khí Quang Minh - CN Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	7.788.595.141	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thép Tín Phát	3.431.161.044	1.559.562.520
Phải trả nhà cung cấp khác	35.415.162.771	79.799.559.232
<b>Cộng</b>	<b>82.401.317.592</b>	<b>138.331.166.016</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn****12.a Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>1.385.452.967</b>	<b>374</b>
Tổng Công ty 319	1.385.452.967	374
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>42.758.428.642</b>	<b>62.049.912.025</b>
Viện chấn thương, chỉnh hình BV 175 (500 giường)	-	53.857.552.881
BQL dự án công trình DT SCH Lữ Đoàn và các đại đội trực thuộc LD950/QK9 gói 10	22.297.000.000	-
BQL dự án công trình DT SCH Lữ Đoàn và các đại đội trực thuộc LD950/QK9 gói 15	14.000.000.000	-



	Số cuối năm	Số đầu năm
Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	5.429.198.114	-
Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh	1.032.230.528	-
Người mua trả tiền trước khác	-	8.192.359.144
<b>Cộng</b>	<b>44.143.881.609</b>	<b>62.049.912.399</b>

**12.b Người mua trả tiền trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Viện chấn thương, chỉnh hình BV 175 (500 giường)	55.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.200.000.000</b>	<b>-</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	746.266.269	642.060.729	(1.255.981.476)	132.345.522
Thuế thu nhập cá nhân	7.143.179	35.097.955	(25.763.910)	16.477.224
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>753.409.448</b>	<b>680.158.684</b>	<b>(1.284.745.386)</b>	<b>148.822.746</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.956.073.570	6.538.335.396
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.254.230.073	131.275.479
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.254.230.073	131.275.479
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	3.210.303.643	6.669.610.875
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>642.060.729</b>	<b>1.467.314.393</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>46.414.126.649</i>	<i>3.783.307.815</i>
Lợi nhuận phải trả chủ sở hữu	-	3.783.307.815
Đấu Hiệu Thắng	12.000.000.000	-
Nguyễn Hằng Nga	4.000.000.000	-
Nguyễn Thị Bích Ngọc	9.626.794.760	-
Nguyễn Thị Minh Huệ	5.500.000.000	-
Nguyễn Tiến Hưng	5.600.000.000	-
Trần Hồng Sơn	4.387.331.889	-
Công ty Cổ phần BOT Hà Nội - Bắc Giang	5.300.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>291.062.604</i>	<i>241.752.552</i>
Kinh phí công đoàn	69.156.653	37.236.156
Bảo hiểm xã hội	178.569.096	59.183.456
Bảo hiểm y tế	30.398.715	96.646.162
Bảo hiểm thất nghiệp	12.938.140	48.686.778
<b>Cộng</b>	<b>46.705.189.253</b>	<b>4.025.060.367</b>

**14b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	159.742.800	159.742.800
<b>Cộng</b>	<b>159.742.800</b>	<b>159.742.800</b>

Tiền nhận đặt cọc Công ty TNHH Đầu tư BPA ASIA về tiền cho thuê Văn phòng tại số 152 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**15. Vay ngắn hạn/dài hạn**

**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Xử lý bom, mìn vật nổ 319	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>130.807.346.151</i>	<i>130.807.346.151</i>	<i>95.519.868.803</i>	<i>95.519.868.803</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình (i)	79.666.276.403	79.666.276.403	60.390.772.927	60.390.772.927
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Đống Đa (ii)	17.221.823.742	17.221.823.742	20.736.220.116	20.736.220.116
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	-	-	4.000.515.760	4.000.515.760

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Láng Hạ (iv)	30.101.886.006	30.101.886.006	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thép Tín Phát	-	-	75.000.000	75.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Dầu khí	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân				
- Lê Thu Huyền	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Hoàng Thanh Hải	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Vương Thanh Minh	-	-	800.000.000	800.000.000
- Nguyễn Việt Hưng	1.317.360.000	1.317.360.000	5.817.360.000	5.817.360.000
<b>Cộng</b>	<b>130.807.346.151</b>	<b>130.807.346.151</b>	<b>97.519.868.803</b>	<b>97.519.868.805</b>

- (i) Khoản vay NHTM CP Quân đội, chi nhánh Ba Đình nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ công trình Nhà văn hóa sinh viên thành phố tại Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, công trình Rạch Chiếc (đoạn từ ngã ba Cát Lái đến Khu A), lãi suất và thời hạn các khoản vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền thuê đất, tài sản trên đất và quyền thuê đất tại địa chỉ 19A đường Cộng Hòa, P12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Đồng Đô nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thép và thi công xây lắp, thời hạn giải ngân đến 10/11/2016, lãi suất và thời hạn các khoản vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là: Quyền đòi nợ đã hình thành và hình thành trong tương lai của: Tổng Công ty XNK Tổng hợp Vạn Xuân hoặc từ các đơn vị khác có bảo lãnh thanh toán của các tổ chức tín dụng, các công trình ký với Tổng Công ty 319 và các Cơ quan Nhà nước, khoản phải thu hình thành trong tương lai phát sinh theo hợp đồng thi công số 05/2015/HĐXD ngày 30/3/2015 ký với Khu di tích Địa Đạo Củ Chi.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, lãi suất và thời hạn các khoản vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành thuộc Chủ sở hữu của Khách hàng được bên Ngân hàng chấp thuận.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số 1400LAV201601404 ngày 06/10/2016 với tổng mức cấp tín dụng 23 tỷ đồng, doanh số cho vay tối đa 19,5 tỷ; Mục đích vay, phát hành bảo lãnh phục vụ thi công công trình theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 21/2015/HĐ-KQLGTDDT3 ký ngày 01/4/2015 giữa Tổng Công ty 319 và Khu quản lý giao thông đô thị số 3; Lãi suất áp dụng theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm là giá trị quyền phần vốn góp với cổ đông.

Các khoản vay của các tổ chức và cá nhân khác đều phục vụ mục đích bổ sung vốn lưu động



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	85.127.508.803	227.542.686.885	-	(185.680.209.537)	126.989.986.151
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	3.275.000.000	-	-	(3.275.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	9.117.360.000	-	(4.500.000.000)	(800.000.000)	3.817.360.000
<b>Cộng</b>	<b>97.519.868.803</b>	<b>227.542.686.885</b>	<b>(4.500.000.000)</b>	<b>(189.755.209.537)</b>	<b>130.807.346.151</b>

**15b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình (i)	3.281.520.651	3.281.520.651	4.913.520.651	4.913.520.651
Vay dài hạn cá nhân				
- Nguyễn Việt Hưng (ii)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.781.520.651</b>	<b>7.781.520.651</b>	<b>4.913.520.651</b>	<b>4.913.520.651</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Ba Đình để bù đắp phần vốn tự có thi công công trình nhà văn phòng phía Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ cụ thể, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 19A Đường Cộng Hòa P12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Khoản vay ông Nguyễn Việt Hưng theo Hợp đồng số 1709/2015/VH-319INV ngày 17/9/2015 và phụ lục gia hạn hợp đồng vay vốn số PL1709/VH-319INV ngày 16/9/2016 gia hạn khoản vay ông Hưng đến ngày 16/9/2018; Mục đích vay sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay vốn 1%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Kết chuyển từ vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	4.913.520.651	-	(1.632.000.000)	-	3.281.520.651
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.913.520.651</b>	<b>-</b>	<b>(1.632.000.000)</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>7.781.520.651</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.099.715.870	597.875.843	(1.071.680.100)	625.911.613
Quỹ phúc lợi	335.457.098	321.933.146	(637.450.000)	19.940.244
<b>Cộng</b>	<b>1.435.172.968</b>	<b>919.808.989</b>	<b>(1.709.130.100)</b>	<b>645.851.857</b>



**17. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
ở đầu năm trước	43.151.260.496	13.371.687.624	95.917.993	-	56.618.866.113
ăng vốn do cổ đông góp	56.659.000.000	-	-	-	56.659.000.000
iền phạt vi phạm về thuế	-	-	-	(262.776.107)	(262.776.107)
ợi nhuận trong năm này	-	-	-	5.071.021.003	5.071.021.003
rich lập các quỹ	-	572.956.522	-	(2.005.444.969)	(1.432.488.447)
ăng do điều chuyển theo IQ ĐHCĐ	-	-	-	191.507.888	191.507.888
hĩa cổ tức, lợi nhuận	-	-	(95.917.993)	(2.994.307.815)	(3.090.225.808)
ở dư cuối năm trước	<u>99.810.260.496</u>	<u>13.944.644.146</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>113.754.904.642</u>
ở dư đầu năm nay	99.810.260.496	13.944.644.146	-	-	113.754.904.642
ăng vốn do cổ đông góp	189.739.504	-	-	-	189.739.504
ợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.314.012.841	1.314.012.841
rich lập các quỹ	-	394.203.852	-	(1.314.012.841)	(919.808.989)
ở dư cuối năm nay	<u>100.000.000.000</u>	<u>14.338.847.998</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>114.338.847.998</u>

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty 319	51.000.000.000	9.696.133.847
Nguyễn Thị Bích Ngọc	15.000.000.000	24.626.794.760
Đậu Hiếu Thắng	7.000.000.000	19.000.000.000
Nguyễn Tiến Hưng	10.000.000.000	15.600.000.000
Nguyễn Thị Minh Huệ	10.000.000.000	15.500.000.000
Nguyễn Hằng Nga	2.000.000.000	6.000.000.000
Trần Hồng Sơn	5.000.000.000	9.387.331.889
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>99.810.260.496</u>

*Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000	9.981.026
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	9.981.026
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	700.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	700.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	96.799.080.017	140.735.213.325
Doanh thu cung cấp dịch vụ	638.971.200	638.971.200
Doanh thu hợp đồng xây dựng	197.981.491.376	223.861.617.664
<b>Cộng</b>	<b>295.419.542.593</b>	<b>365.235.802.189</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	453.129.091	-
<b>Cộng</b>	<b>453.129.091</b>	<b>-</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	92.660.105.012	135.110.957.135
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	174.773.075.827	199.358.316.424
<b>Cộng</b>	<b>267.433.180.839</b>	<b>334.469.273.559</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	141.851.991
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	87.825.072	28.922.180
<b>Cộng</b>	<b>87.825.072</b>	<b>170.774.171</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.381.624.770	10.109.493.671
<b>Cộng</b>	<b>10.381.624.770</b>	<b>10.109.493.671</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.274.996.375	6.766.531.618
Chi phí vật liệu quản lý	161.754.811	834.226.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.480.855	327.019.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.112.243.266	1.272.566.599
Thuế, phí và lệ phí	5.709.091	29.568.485
Chi phí dự phòng	-	365.979.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.108.161.670	2.937.370.074
Các chi phí khác	2.601.429.621	1.608.880.296
<b>Cộng</b>	<b>15.405.775.689</b>	<b>14.142.142.664</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI JSC**

Địa chỉ: 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	329.021.667	-
Cộng	329.021.667	-

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt vi phạm hành chính	206.605.373	-
Chi phí khác	-	147.331.070
Cộng	206.605.373	147.331.070

**9. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.314.012.841	5.071.021.003
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.314.012.841	5.071.021.003
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.987.368	9.035.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	132	561

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.981.026	4.315.126
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	6.342	4.720.502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.987.368	9.035.628

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.711.093.008	145.761.710.074
Chi phí nhân công	11.560.264.807	42.083.100.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.172.150.770	8.044.553.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.099.025.567	17.103.945.053
Chi phí khác	77.374.353.256	14.582.893.968
Cộng	232.916.887.408	227.576.202.951

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*



Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	863.481.635	918.549.809
<b>Cộng</b>	<b>863.481.635</b>	<b>918.549.809</b>

*Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty 319	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV 319.1	Công ty cùng Tập đoàn
Xí nghiệp Xây dựng công trình 319.6	Công ty cùng Tập đoàn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty 319		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	6.326.620.785	13.200.248.120
Tổng Công ty 319 báo nợ thanh toán khách hàng, các khoản bảo lãnh, bảo hiểm, phí thương hiệu	6.917.467.968	17.671.220.295
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang		
Thu tiền tạm ứng KLXD trạm thu phí XL14	(13.630.520.368)	(12.674.000.000)
Khối lượng xây lắp hoàn thành	8.573.870.028	25.794.149.333
Phải trả khác	5.300.000.000	
Công ty TNHH MTV 319.1		
Trả gốc tiền vay	-	(2.000.000.000)
Xí nghiệp xây dựng công trình 319.6 - CN Tổng Công ty 319		
Bán thép	71.300.089	
Thu tiền bán thép	(347.056.968)	
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.		

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASCO kiểm toán.

Người lập biểu



Lương Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Huệ



Búi Minh Hải